

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST

Ngày: 16/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn M;

2. Ông Nguyễn Thanh S

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái T – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2022/TLST-HS ngày 28/11/2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST-HS ngày 23/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST- QĐ ngày 06/01/2023 đối với các bị cáo:

1/ LÊ VĨNH P, Sinh năm: 1986; Nơi sinh: B; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh B; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Lê Thanh C và con bà: Lê Thị H, Vợ: Nguyễn Thị Huyền T, Có 02 con: lớn N sinh năm 2009, nhỏ N sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2/ NGUYỄN THANH T2 (tên gọi khác: X); Sinh năm: 1992; Nơi sinh: B. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh B; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Nguyễn Thành T và con bà: Nguyễn Thị X; Vợ: Nguyễn Thị Thanh L; Có 2 con, lớn N sinh năm 2016, nhỏ N sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”, tại bản án số 20 ngày 15/3/2011. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013 (đã được xóa án tích).

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Thanh N - Sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Huyền T - Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 20/6/2022 Lê Vĩnh P, Nguyễn Thanh T2 (Xệ) và một số người bạn uống bia tại nhà P ở thôn N, xã H, huyện H. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày khi mọi người về hết chỉ còn lại P và T2, lúc này P rủ T2 đi thành phố P hát karaoke, thì T2 đồng ý, P đi vào nhà thay quần áo và nói T2 dắt xe mô tô, biển số 86B3 - 210.26 của P ra ngoài công đọi. Trong lúc thay quần áo, nhớ lại chuyện trước đây nghe nhiều người làm thuê cùng vợ P (là Nguyễn Thị Huyền T) nói T có quan hệ tình cảm với Nguyễn Thanh N (B), ở thôn X, xã H là người làm thuê cùng chỗ làm với T, P hỏi T thì T thừa nhận có quan hệ tình cảm quý mến N chứ không có quan hệ tình cảm yêu đương hay quan hệ như vợ chồng với N nên P bức tức muốn tìm N để hỏi rõ sự việc nhưng sợ tới nơi P làm việc có đồng người bên N nên P vào nhà bếp lấy 01 cây kéo dài 23cm, cán nhựa màu đen đem theo. P đi ra lên xe mô tô, biển số 86B3 – 210.26 cho T2 điều khiển chở tới Phan Thiết (T2 không biết việc P đem theo cây kéo cũng như không biết ý định của P đi tìm N). Trên đường đi, P nhờ T2 chở tới vườn thanh long của ông T ở thôn X, xã H và nói “giờ mày chở anh tới chỗ vợ anh làm để anh gặp nói chuyện có tí việc”, T2 đồng ý. Khi đến vườn thanh long nơi N đang làm thuê, nhìn thấy có nhiều người đang xịt thuốc thanh long, P xuống xe hỏi “Thằng nào là thằng B” thì được một người đàn ông (không biết tên gì ở đâu) chỉ cho P biết người tên B đang mang bình xịt thuốc đứng cách P khoảng 2-3 mét, P đi đến hỏi N “Mày là B phải không”, N trả lời “Phải”, lúc này, P định hỏi để làm rõ chuyện giữa N và vợ P có quan hệ tình cảm với nhau hay không? nhưng thấy có nhiều người sợ hỏi chuyện nói qua nói lại không hay nên P yêu cầu N lên xe mô tô 86B3-210.26 của P đi nơi khác nói chuyện và nói “Mày lên xe tao chở mày đi ra ngoài đây nói chuyện một tí”, N không đồng ý, nói “Tôi không đi” thì liền bị P có dùng tay đánh 1-2 cái trúng đầu, vai của N rồi dùng tay trái kẹp cổ N từ phía sau còn tay phải cầm cây kéo bằng kim loại dài khoảng 23cm, cán bọc nhựa màu đen mang theo từ trước (loại kéo làm cá) đưa vào cổ N đe dọa để buộc N phải lên xe mô tô T2 đang cầm lái ngồi, thấy P cầm kéo đe dọa và yêu cầu N lên xe mô tô chở đi, T2 và một số người phụ nữ đang làm ở đây đến can ngăn và giật được cây kéo trên tay P, thấy N vẫn không chịu đi, P tiếp tục đe dọa nói “Mày không lên xe tao giết mày”

đồng thời ôm, bế một chân N đặt lên yên xe mô tô T2 đang cầm lái, dùng cùi trỏ đánh một cái vào đùi N, khi đưa được N ngồi hẳn trên yên xe, P ngồi phía sau ôm giữ N không cho N xuống. T2 chứng kiến và biết rõ N không chịu đi theo P như P yêu cầu nhưng khi thấy N bị P ép lên xe và nghe P nói “Mày chạy đi” thì T2 đã đồng ý và điều khiển xe mô tô chở theo P và N chạy về hướng đoạn đường cao tốc đang thi công. Đi một đoạn khoảng 200 mét thì P yêu cầu T2 dừng xe để xuống nói chuyện. Tại đây, P giới thiệu cho N biết rằng mình là chồng của T, nói “Tao là chồng con T” rồi hỏi N “Mày có quan hệ với vợ tao không”, N trả lời “Không có”, P tức giận vì nghĩ N và vợ mình có mối quan hệ bất chính nên dùng tay đánh vào đầu, cằm và sau gáy N khoảng 4-5 cái, thấy N bị đánh nhiều, T2 xuống xe đi đến can ngăn ôm giữ N kéo ra không cho P đánh nữa và nói N “Mày chạy đi”, N bỏ chạy vào đám thanh long ở gần kề đó trốn thoát, được T2 can ngăn nên P không đuổi theo N nữa mà cả hai lên xe đi về, trên đường đi T2 hỏi P “Sao anh tìm đánh thằng B”, P trả lời “Tao nghe người ta nói nó có quan hệ tình cảm với vợ tao nên tìm gặp nó hỏi chuyện đánh dấn mặt nó”, cả hai không đi Phan Thiết nữa mà quay về lại nhà P tiếp tục uống bia rồi nghỉ.

Nguyễn Thanh N bị thương tích nhẹ và có đơn từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý P đối với hành vi đánh N gây thương tích nhẹ trên.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

01 cây kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đen, dài 23cm; 01 xe mô tô biển số 86B3 – 210.26, loại Yamaha, kiểu Exciter màu trắng xanh là vật chứng của vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện H ra quyết định xử lý vật chứng chuyển từ Cơ quan CSĐT – Công an huyện H sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện H bảo quản chờ xử lý.

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, biển số 86B3 – 210.26 đứng tên Lê Vĩnh P chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Về dân sự:

Lê Vĩnh P và Nguyễn Thanh T2 đã thỏa thuận bồi thường cho Nguyễn Thanh N tổng số tiền là 8.000.000 đồng (mỗi người bồi thường 4.000.000 đồng). Sau khi nhận số tiền trên anh Nguyễn Thanh N không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại cho P và T2.

Đối với xe mô tô, biển số 86B3- 21026 (là tài sản chung của vợ chồng P và T), bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin được nhận lại xe để làm phương tiện đi lại. Trường hợp nếu xe này bị tịch thu sung quỹ nhà nước thì bà T xin được nhận lại một nửa giá trị tài sản của xe mô tô trên.

Tại bản cáo trạng số 134/CT/VKSHTB-HS ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố: Bị cáo Lê Vĩnh P, Nguyễn Thanh T2 về tội “Bắt người trái pháp luật” theo Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Lê Vĩnh P, Nguyễn Thanh T2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Phạt Lê Vĩnh P từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Phạt Nguyễn Thanh T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đen, dài 23cm, hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị tài sản là xe mô tô biển số 86B3 – 210.26, loại Yamaha, kiểu Exciter màu trắng xanh sung quỹ Nhà nước. Còn lại ½ giá trị tài sản xe mô tô biển số 86B3 – 210.26, loại Yamaha, kiểu Exciter màu trắng xanh hoàn trả cho bà T

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, T2 diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Vĩnh P và Nguyễn Thanh T2 khai nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H

đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại Tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện H, các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 20/6/2022, T2 điều khiển xe mô- tô biển số 86B3 – 210.26 chở P đến vườn thanh long của ông Tuấn thuộc thôn X, xã H để tìm gặp Nguyễn Thanh N. Tại đây, P dùng 01 cây kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đen, dài 23cm đưa vào cổ đe dọa ép buộc N phải lên xe mô-tô của P để đi nơi khác nói chuyện. T2 biết N không đồng ý lên xe theo yêu cầu của P nhưng khi thấy N đã bị P ép đưa lên xe thì T2 đồng ý và điều khiển xe mô-tô trên chở P ngồi sau ôm giữ N đi khoảng 200m rồi dừng lại theo yêu cầu của P. Tại đây, N bị P tra hỏi và dùng tay đánh N khoảng 4-5 cái (không để lại thương tích). Sau khi được T2 can ngăn không cho đánh N, cả hai đi về nhà P tiếp tục uống bia rồi nghỉ. N bỏ chạy vào đám thanh long ở gần kề đó trốn thoát. Bà Thân đang làm cùng chỗ với N biết tin, chạy theo tìm thì gặp N và chở N đi đến bệnh viện Đa khoa tỉnh B xem xét điều trị thương tích rồi đến trình báo Công an xã H biết sự việc.

Hành vi của các bị cáo P và T2 đã phạm đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có.

[4] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại và được người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Xét về tính chất vụ án, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ. Bị cáo P là người nảy sinh ý định bắt giữ bị hại cũng là người dùng hung khí đánh bị hại chỉ vì nghi ngờ bị hại có quan hệ tình cảm với vợ mình nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo T2 là đồng phạm thứ yếu giúp sức cho P, khi nghe P nói “Mày chạy đi” thì T2 đã đồng ý điều khiển xe mô-tô chở theo P và N chạy, bị cáo T2 đã giúp bị cáo P nên bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[6] *Về hình phạt:*

Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất và mức độ phạm tội thì các bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình, bản thân các bị cáo ý thức

được hành vi bắt giữ người là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể cũng như quyền tự do của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hội đồng xét xử xét, cần thiết phải lên cho các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo P chỉ vì ghen tuông, nghi ngờ vợ với bị hại có mối quan hệ không trong sáng, không làm chủ bản thân nên mới buộc P phạm tội, còn bị cáo T2 tham gia vai trò thứ yếu, do nể nang bạn bè với P và cũng ngăn cản không cho P đánh bị hại, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi ở ổn định, đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục là đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

Đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo, căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

[7] *Về dân sự*: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại Nguyễn Thanh N số tiền 8.000.000đồng. Bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] *Về xử lý vật chứng*:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đen, dài 23cm là vật chứng phạm tội, hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Đối với 01 xe mô tô biển số 86B3 – 210.26, loại Yamaha, kiểu Exciter màu trắng xanh do P đứng tên là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng. Khi P sử dụng xe trên làm phương tiện thực hiện tội phạm T không biết. Xét thấy, tài sản trên là của vợ chồng P-T là đồng sở hữu, T không biết P sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu ½ giá trị tài sản là xe mô tô biển số 86B3 – 210.26, loại Yamaha, kiểu Exciter màu trắng xanh sung quỹ Nhà nước. Còn lại ½ giá trị tài sản là xe mô tô biển số 86B3 – 210.26, loại Yamaha, kiểu Exciter màu trắng xanh hoàn trả cho bà T.

[7] *Về các vấn đề khác*:

Đối với thương tích của bị hại N do bị cáo P gây ra trong quá trình bắt N trái pháp luật. Do thương tích nhẹ, anh N từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Lê Vĩnh P về hành vi đánh N gây thương tích nhẹ nên không

xem xét xử lý. Hành vi đánh người khác của Lê Vĩnh P đã bị Công an huyện H ra quyết định xử phạt hành chính theo đúng quy định.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 157; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Lê Vĩnh P).

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 157; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Thanh T2).

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 235, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Vĩnh P và Nguyễn Thanh T2 (tên gọi khác: Xệ) đều phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- **Xử phạt:** Lê Vĩnh P 06 (Sáu) **tháng** tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12** (Mười hai) **tháng** tính kể từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2023).

- **Xử phạt:** Nguyễn Thanh T2 06 (Sáu) **tháng** tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12** (Mười hai) **tháng** tính kể từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2023).

Giao bị cáo Lê Vĩnh P, Nguyễn Thanh T2 cho Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính, huyện H, tỉnh B nơi các bị cáo P, T2 cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo P, T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đen, dài 23cm là công cụ thực hiện tội phạm

Tịch thu sung quỹ nhà nước ½ giá trị tài sản là xe mô-tô biển số 86B3 – 210.26, loại Yamaha, kiểu Exciter màu trắng xanh (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, biển số 86B3 – 210.26 đứng tên Lê Vĩnh P, đang lưu giữ tại Tòa

án). Còn lại ½ giá trị tài sản là xe mô-tô biển số 86B3 – 210.26, loại Yamaha, kiểu Exciter màu trắng xanh hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Huyền T

Tất cả hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/11/2022.

Về án phí: Các bị cáo Lê Vĩnh P, Nguyễn Thanh T2 mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2023). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo P, T2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện H;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Thị M